

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẠNG LƯỚI THÁNG 7/2025
LẤY MẪU VÀ KIỂM NGHIỆM NƯỚC SẠCH ĐỊNH KỲ THEO THÔNG TƯ 52/2024/TT-BYT CỦA BỘ Y TẾ

Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm										
					M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9	M10	M11
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)
2	Mùi	PP.HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	Ref TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	0,69	0,97	1,03	0,93	0,98	0,96	0,98	1,05	0,82	0,75	0,81
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	7,09	7,07	7,04	7,05	7,03	7,08	7,05	7,01	7,05	7,02	7,04
5	Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	0,56	0,59	0,66	0,66	0,63	0,63	0,63	0,66	0,59	0,63	0,59
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019		< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1
8	Clo dư tự do	PP so màu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,50	0,40	0,30	0,40	0,30	0,40	0,40	0,30	0,30	0,30	0,30

Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm										
					M12	M13	M14	M15	M16	M17	M18	M19	M20	M21	M22
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)
2	Mùi	PP.HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	Ref TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	0,69	0,63	0,63	1,01	1,10	1,06	0,74	0,64	0,81	1,08	1,05
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	7,04	6,98	6,99	6,97	6,98	7,04	7,05	7,07	7,05	7,02	7,03
5	Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	0,56	0,56	0,59	0,66	0,63	0,66	0,56	0,53	0,56	0,63	0,66
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019		< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1
8	Clo dư tự do	PP so màu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,40	0,30	0,30	0,40	0,40	0,20	0,40	0,30	0,30	0,50	0,40



Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm										
					M23	M24	M25	M26	M27	M28	M29	M30	M31	M32	M33
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	< 5 (MQL)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)
2	Mùi	PP.HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	Ref.TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	1,09	0,82	0,89	1,10	1,20	0,87	0,90	1,11	1,25	0,88	0,92
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	7,01	7,01	7,02	7,03	7,08	7,02	7,00	7,04	7,06	7,01	7,02
5	Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	0,66	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	0,66	0,69	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019		< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1
8	Clo dư tự do	PP so mẫu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,40	0,40	0,30	0,60	0,40	0,40	0,30	0,50	0,30	0,40	0,20

Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm									
					M34	M35	M36	M37	M38	M39	M40	M41		
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	KPH (MDL=2)	8	6	7	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)		
2	Mùi	PP HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ		
3	Độ đục	Ref TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	0,55	0,92	0,96	1,07	1,11	1,19	1,36	1,24		
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	7,03	7,17	7,16	7,17	7,20	7,21	7,20	7,19		
5	Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	0,86	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)		
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1		
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019		< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1		
8	Clo dư tự do	PP so mẫu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,50	0,50	0,30	0,20	0,30	0,20	0,30	0,40		

* Ghi chú:

- Tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.
- Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.



- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- KPH: Không phát hiện.

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

(*) : Phương pháp thử chưa đăng ký công nhận.

s) : Kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

*** Ký hiệu mẫu:**

M1: Nước sạch đầu nguồn NMN Cầu Đỏ (ML Cầu Đỏ 1)	M12: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 12	M23: Nước sạch cuối nguồn NMN Sân Bay	Nước sạch tại trạm đầu nguồn nói riêng ong cấp nước của Dawaco với NMN Hoà
M2: Nước sạch giữa nguồn NMN Cầu Đỏ (ML Cầu Đỏ 2)	M13: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 13	M24: Nước sạch đầu nguồn NMN Hoà Trung	M34: i
M3: Nước sạch cuối nguồn NMN Cầu Đỏ (ML Cầu Đỏ 3)	M14: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 14	M25: Nước sạch cuối nguồn NMN Hoà Trung	M35: Nước sạch đầu nguồn TCN Khe Giành
M4: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 4	M15: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 15	M26: Nước sạch đầu nguồn NMN Sơn Trà	M36: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Giành
M5: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 5	M16: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 16	M27: Nước sạch cuối nguồn NMN Sơn Trà	M37: Nước sạch cuối nguồn TCN Ngầm Đồi
M6: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 6	M17: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 17	M28: Nước sạch đầu nguồn NMN Hải Vân	M38: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Rằm
M7: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 7	M18: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 18	M29: Nước sạch cuối nguồn NMN Hải Vân	M39: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Dầu
M8: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 8	M19: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 19	M30: Nước sạch đầu nguồn TCN Phú Sơn	M40: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Áo
M9: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 9	M20: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 20	M31: Nước sạch cuối nguồn TCN Phú Sơn	M41: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Đập
M10: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 10	M21: Nước sạch đầu nguồn NMN Sân Bay	M32: Nước sạch đầu nguồn TCN Khe Lạnh	
M11: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 11	M22: Nước sạch giữa nguồn NMN Sân Bay	M33: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Lạnh	

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đáp ứng yêu cầu giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.



Đà Nẵng, ngày 22 tháng 7 năm 2025
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HƯNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Phước Thương